

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh P2**

Bản án số: 110/2018/HS-PT
Ngày: 10-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân

Các Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Hữu P và Trần Thị A do C kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2018/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/. Trần Hữu P, sinh ngày: 1987 tại P, Kiên Giang

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Hồng Q và bà Võ Tuyết L; vợ là Nguyễn Thị Ngọc M và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến nay. Có mặt.

2/. Trần Thị A (Lan A), sinh ngày: 1997 tại Nghệ An

Nơi cư trú: ấp Bến T, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị H; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 30/7/2017 đến nay. Có mặt.

- *Người bào cho bị cáo Trần Hữu P:* Luật sư Trần Văn Đ – Văn phòng luật sư Hữu N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- *Bị hại không C kháng cáo:*

Anh Trần Thanh N, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại N:*

Bà Danh Thị Bích N, sinh năm 1975 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang

**Trong vụ án còn C 01 bị cáo, 06 bị hại, 01 nguyên đơn dân sự không C kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu C trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 16/7/2017, Trần Hữu P và Nguyễn Văn S ngồi uống bia tại quán Út H thuộc khu phố 6, thị trấn A, huyện P do bà Nguyễn Thị U làm chủ, trong quán còn C T (chưa rõ nhân thân), Trần Thanh N1, Nguyễn Huy T1, Trần Minh P1, Mai Trọng P2, Lê Thanh D, Nguyễn Văn C cũng đang ngồi uống bia. Lúc này, T đi đến gặp nói chuyện và xảy ra cự cãi với P nên T bỏ về bàn của mình tiếp tục uống bia. Khoảng 5 phút sau, P và S bỏ về nhà của P tại khu phố 3, thị trấn A. Tại nhà P có Trần Thái V, Thành Thanh N, Trần Thị A, Bùi Thanh K và một số người (chưa rõ nhân thân). P rủ mọi người cùng đi đến quán Út H gặp nhóm bạn của T để nói chuyện, nếu nói chuyện không xong thì đánh luôn.

Khi đi, P cầm ống tuýp, N, A, V, S mỗi người cầm 01 cây dao tự chế. Tất cả cùng nhau đi đến cách quán Út H khoảng 10m thì dừng lại quan sát. Khi thấy N1, P1, D, P2, T1 và C từ trong quán Út H đi ra và lên chiếc xe taxi của hãng Vinasun biển số 51F-086.10 do Nguyễn Văn C làm tài xế. Khi tất cả đã ngồi vào trong xe thì P, S, N và A tay cầm hung khí đập chém nhiều nhát vào chiếc taxi, Việt cầm dao tự chế đứng ngoài nhìn. Khi kính của xe taxi bể thì P, S, N và A cầm hung khí đâm liên tục vào những người đang ngồi trong xe đến khi những người trong xe bị thương và không còn phản kháng được thì P, S, N và Việt tiếp tục cầm hung khí đập phá bàn ghế và đe dọa mọi người trong quán rồi bỏ đi.

**Tang vật thu giữ:*

- 01 xe ô tô loại Toyota InnovaJ, biển số 51F-086.10, số máy 1TR7930293, số khung 41G2F9062019, đã qua sử dụng;

- 02 cái bàn nhựa, màu đỏ, hiệu D Tân, mỗi bàn bị gãy 01 chân, đã qua sử dụng;

- 06 cái ghế nhựa màu vàng cam, hiệu Qui P2, bị hư hỏng, đã qua sử dụng;
- 04 cái ghế nhựa màu xA, không rõ hiệu, bị hư hỏng, đã qua sử dụng.

Tất cả tài sản trên đã trả cho chủ sở hữu.

**Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 516/KL-PY, ngày 29/8/2017 của T tâm pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích của A Trần Thanh N1 như sau: sẹo mềm căng tay trái, hiện còn đóng mảy; Sẹo sơ cứng bàn tay phải, đứt gân gấp ngón II, III, IV. Hiện còn hạn chế chức năng vận động các ngón tay. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 23%.*

**Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 50/KL-HĐĐG, ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: giá trị tài sản xe ô tô Toyota Innova J, biển số 51F-086.10, mua mới và sử dụng từ năm 2015, phần bị hư hỏng C giá trị là 24.947.500 đồng.*

Trần Văn C, Mai Trọng P2, Trần Minh P1 từ chối giám định thương tích. Nguyễn Huy T1, Lê Thanh D có đơn yêu cầu khởi tố và yêu cầu giám định nhưng không còn ở nơi cư trú, hiện ở đâu không rõ.

**Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 29/2018/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu P và Trần Thị A phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 1 Điều 143, Điều 20, Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 và Điều 50 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu P 03 (ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt, tạm giam 24/8/2017.

Áp dụng: Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 1 Điều 143, Điều 20, Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 và Điều 50 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị A 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt, tạm giam 30/7/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Trần Thái V 09 tháng tù, tuyên về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ nộp án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/02/2018 bị cáo Trần Hữu P có đơn kháng

cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/02/2018, bị cáo Trần Thị A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa P biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đối với bị cáo Trần Hữu P: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là đúng người đúng tội, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là C xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên sau khi xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại N1 và A Nguyễn Văn C. Phía Công ty Ánh Dương, Anh C, chị Nhung (đại diện theo ủy quyền của bị hại N1) đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết mới nên cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Thị A với vai trò đồng phạm giúp sức, Tòa án sơ thẩm tuyên 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo P bồi thường thêm cho bị hại N1 22 triệu đồng nên phía bị hại không yêu cầu bị cáo A bồi thường nữa và coi như A đã bồi thường xong, phía bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ cho bị cáo nên đây là tình tiết mới cần xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 xử bị cáo dưới khung hình phạt.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu P, về tội “Cố ý gây thương tích” giảm cho bị cáo 1 năm tù còn 2 năm tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” giảm cho bị cáo 9 tháng tù còn 9 tháng tù. Tổng hình phạt của 2 tội là 02 năm 09 tháng tù. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị A, về tội “Cố ý gây thương tích” giảm cho bị cáo 06 tháng tù còn 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” giảm cho bị cáo 6 tháng tù còn 6 tháng tù. Tổng hình phạt của hai tội là 02 năm tù.

Quan điểm của luật sư Trần Văn Đ bào chữa cho bị cáo P: Bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại. Sau khi gây hư hỏng taxi bị cáo P đã khắc phục ngay 35 triệu đồng, thể hiện thiện chí. Sau khi xử sơ thẩm xong, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền bồi thường cho bị hại, vượt số tiền khắc phục cho C. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng thêm điểm s khoản 1 điều 51, cha là người có công với cách mạng áp dụng thêm điểm x khoản 1 điều 51. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên bị cáo P dưới khung hình phạt để sớm về phụng dưỡng cha mẹ.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm nêu, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại N1 – bà N xác nhận P đã bồi thường toàn bộ số tiền mà N1 yêu cầu, không yêu cầu A tiếp tục bồi thường, xem như A đã bồi thường xong và xin giảm nhẹ cho cả hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Quyết định của bản án sơ thẩm: Vào khoảng hơn 22 giờ ngày 16/7/2017, do C mâu thuẫn với nhau tại trong lúc uống bia tại quán Út Hà thuộc khu phố 6, thị trấn A, huyện P, Trần Hữu P mang theo ống tuýp và Trần Thị A mang theo dao tự chế, đều là hung khí nguy hiểm cùng đồng bọn đập, chém làm hư hỏng chiếc xe taxi của hãng V biển số 51F-086.10, giá trị thiệt hại là 24.947.500 đồng, và gây thương tích cho Trần Thanh N1 23% cùng một số người khác.

Do đó, phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (do khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình năm 2015 C khung hình phạt nhẹ hơn, C lợi so với khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999) và khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo Trần Hữu P và Trần Thị A về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là C căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

a) Đối với bị cáo Trần Hữu P: Nguyên nhân xảy ra vụ án xuất P từ bị cáo, bị cáo là người khởi xướng và giữ vai trò chính. Khi mâu thuẫn với T bị cáo đã chủ động kêu gọi những người khác mang theo nhiều hung khí đến đánh nhau với nhóm của T, bị cáo đã dùng ống tuýp cùng với đồng bọn gây thương tích cho A N1 và làm cho xe ô tô của Công ty cổ phần Ánh D bị hư hỏng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo, xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù đối với tội “Cố ý gây thương tích”, 01 năm 06 tháng tù đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hình phạt đối với cả hai tội 04 năm 06 tháng tù là thỏa đáng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại N1 22 triệu đồng và anh Nguyễn Văn C 10 triệu đồng, là nhiều hơn số tiền mà Tòa sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo. Phía bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ

luật Hình sự năm 1999 đối với tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị cáo là C căn cứ để chấp nhận, giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp.

b) Đối với bị cáo Trần Thị A: Bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo P. Sau khi nghe P rủ đi đánh nhau thì bị cáo chủ động mang theo dao tự chế tham gia mà không cần biết nguyên do là gì. Bị cáo trực tiếp cùng với P gây thương tích cho N1 và đập phá gây hư hỏng xe ô tô của Công ty cổ phần Ánh D. Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 và xử phạt bị cáo mức án xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù đối với tội “Cố ý gây thương tích”, 01 năm 06 tháng tù đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hình phạt đối với cả hai tội 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường từ gia đình bị cáo P và không yêu cầu bị cáo A phải tiếp tục bồi thường, xem như bị cáo A đã bồi thường xong, đồng thời, phía bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với tội “Cố ý gây thương tích”, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xét nguyên nhân các bị cáo đập phá làm hư hỏng taxi là nhằm để đánh nhóm bị hại. Tuy phần tài sản bị hư hỏng qua giám định là 24.947.500 đồng nhưng sau khi sự việc xảy ra, bị cáo P đã tự nguyện bồi thường cho Công ty Ánh D 35 triệu đồng, nhiều hơn so với tài sản bị hư hỏng. Đồng thời, mức án mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt hai bị cáo là C phần hơi nghiêm khắc, do đó, cần giảm một phần hình phạt cho cả hai bị cáo đối với cả tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là phù hợp.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu P, về tội “Cố ý gây thương tích” giảm cho bị cáo 1 năm tù còn 2 năm tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” giảm cho bị cáo 9 tháng tù còn 9 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của 2 tội là 02 năm 09 tháng tù. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị A, về tội “Cố ý gây thương tích” giảm cho bị cáo 06 tháng tù còn 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” giảm cho bị cáo 6 tháng tù còn 6 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 02 năm tù. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Quan điểm của luật sư Trần Văn Đ bào chữa cho bị cáo P:

Chấp nhận một phần quan điểm của luật sư đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không chấp nhận quan điểm của luật sư đề nghị áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bởi lẽ để được áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “Người phạm tội là người C công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng con của liệt sĩ”, do đó, cha bị cáo là người C công với cách mạng không thuộc trường hợp được áp dụng điểm x mà chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Không áp dụng Điều 54 BLHS 2015 mà chỉ giảm một phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và điều luật áp dụng là C căn cứ, đúng quy định, do các bị cáo C tình tiết mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, một phần quan điểm của luật sư, áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về điều luật áp dụng: Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định C lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng Khoản 3 Điều 134 để xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tương ứng tại Điều 54, tù C thời hạn được quy định tương ứng tại Điều 38 – Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự 1999; Điều 17, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Hữu P 02 (hai) năm tù**, về tội “Cố ý gây thương tích” và **09 (chín) tháng tù** về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt, tạm giam 24/8/2017.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự 1999; Điều 17, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị A **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích” và **06 (sáu) tháng tù** về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (hai) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt, tạm giam 30/7/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm 29/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P2 thẩm C hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam – CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P2 THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trọng Hân